TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **123**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2024
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Triết

- Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983. Nơi cư trú: số 138/4, ấp T B, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Minh H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 197/1, ấp X TI, xã TT, huyện, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/5/2024, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đtrình bày:

Bà Điệp và ông Bùi Minh H cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/8/2012, trong thời gian sống chung có 02 người con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 03/5/2013 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 02/7/2015 hiện nay đang sống chung với bà Đ. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà Điệp yêu cầu Toà án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, bà Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Bà Đyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 03/5/2013 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 02/7/2015. Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Do bận công việc làm ăn nên bà Đ yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Bùi Minh H vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã vi phạm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Về hôn nhân: Bà Đ được ly hôn với ông H. Bà Đkhông yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

Về con chung: giao 02 người con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 03/5/2013 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 02/7/2015 cho bà Điệp trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Điệp không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà Đtrình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Bùi Minh H, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đcó đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Minh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227,

228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Bà Nguyễn Thị Đvà ông Bùi Minh H cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/8/2012 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Bùi Minh H. Bà Điệp không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Xét thấy Bùi Minh T, sinh ngày 03/5/2013 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 02/7/2015 (02 cháu có nguyện vọng sống chung với bà Đ) hiện nay đang sống chung ổn định với bà Đ. Ông H cũng không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu được nuôi 02 con chung của bà Đnên Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà Đ được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung. Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Bà Đphải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Cho bà Nguyễn Thị Đđược ly hôn với ông Bùi Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Bà Đ được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Minh T, sinh ngày 03/5/2013 và Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 02/7/2015. Bà Điệp không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Bùi Minh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc bà Đphải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001436 ngày 25/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí bà Điệp đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện h P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết